

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 03 - 6 - 2019.

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thái Vinh Hoa;
Ông Phan Công Điện.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp tham gia phiên tòa: Ông Phan Tấn Xuân Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngô Thị X, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện P, tỉnh H. Có mặt.

- Bị đơn: Bùi TrúC L, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp P, xã L, huyện P, tỉnh H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 31 tháng 12 năm 2018, nguyên đơn là chị Ngô Thị X trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Bùi TrúC L tự nguyện sống chung vào năm 2008, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bị thương ham mê cờ bạc, gây phá tán tài sản; bỏ bê việc quan tâm, chăm sóc gia đình. Phía nguyên đơn đã nhiều lần khuyên can nhưng bị đơn không từ bỏ cờ bạc. Do đó, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay.

Về con chung: Có 02 con chung là: Bùi Tấn T, sinh ngày 28 tháng 01 năm 2009; Bùi Thị Kim N, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2015. Hiện nguyên đơn nuôi dưỡng cháu T, bị đơn nuôi dưỡng cháu N.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bị đơn; về con chung: Yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Bùi Tấn T, đồng ý giao cháu Bùi Thị Kim N cho bị đơn nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại văn bản ngày 02 tháng 5 năm 2019, bị đơn là anh Bùi Trú L trình bày:

Thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân và về con chung là đúng; về nguyên nhân mâu thuẫn, bị đơn thừa nhận có tham gia cờ bạc một vài lần, ngoài ra vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác.

Bị đơn có yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Không đồng ý ly hôn, mong muốn được đoàn tụ; về con chung: Nếu phải ly hôn, bị đơn yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; về con chung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Bùi Tấn T cho nguyên đơn nuôi dưỡng, giao cháu Bùi Thị Kim N cho bị đơn nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con; về tài sản: Không yêu cầu nên đề nghị không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không cung cấp được chứng cứ chứng minh vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét nguyên nhân mâu thuẫn giữa các đương sự xuất phát từ việc bị đơn ham mê cờ bạc mà thiếu đi sự quan tâm, chăm sóc gia đình. Mặt khác, xét thời gian các đương sự ly thân từ năm 2017 đến nay cũng đã lâu nhưng không gặp gỡ để bàn biện pháp hàn gắn hôn nhân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, chứng minh các đương sự đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của người vợ, người chồng trong việc quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, làm cho hôn nhân ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Phía bị đơn không đồng ý ly hôn, nhưng trong thời gian sống ly thân cũng như quá trình giải quyết vụ án chưa thể hiện được thiện chí mong muốn đoàn tụ, không đưa ra được giải pháp hàn gắn hôn nhân; phía nguyên đơn mặc dù đã được Hội đồng xét xử phân tích, động viên xóa bỏ mâu thuẫn để hàn gắn hôn nhân nhưng vẫn kiên quyết xin ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[4] Về con chung: Xét cháu Bùi Tấn T được nguyên đơn nuôi dưỡng ổn định, cháu Bùi Thị Kim N được bị đơn nuôi dưỡng ổn định từ lúc các đương sự ly thân đến nay nên không cần thiết phải xáo trộn cuộc sống của các cháu. Do đó, cần giao cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bùi Tấn T, giao cho bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Kim N và không ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp và có căn cứ.

[5] Về tài sản: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144 và Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị X được ly hôn với anh Bùi Trú L.
2. Về con chung: Chị Ngô Thị X được quyền nuôi dưỡng cháu Bùi Tấn T, sinh ngày 28 tháng 01 năm 2009; anh Bùi Trú L được quyền nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Kim N, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2015; không ai phải cấp dưỡng nuôi

con. Chị Ngô Thị X và anh Bùi Trúc L được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu, không xem xét.

Về án phí: Chị Ngô Thị X phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0017198 ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không ai phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- UBND xã T, huyện P, tỉnh H;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Hữu Thắng